TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quãng Thanh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Nhân
2. Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là phòng xét xử của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long và điểm cầu thành phần là phòng trực tuyến của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* Chị Thạch Thị N, sinh ngày 01/01/1993, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp S, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Kiên T, sinh năm 1987, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp S, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị N trình bày:

Vào năm 2012, chị và chồng tên Kiên T do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N năm 2012. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp S, xã N cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Kiên Thái B, sinh ngày 24/7/2013 và Kiên Thái M, sinh ngày 02/6/2015. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau trong cuộc sống hằng ngày; anh T thường xuyên ăn nhậu không quan tâm, chăm lo cho gia đình, có khi còn đánh đập chị. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu được ly hôn với anh Kiên T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Kiên Thái B, sinh ngày 24/7/2013 và Kiên Thái M, sinh ngày 02/6/2015 hiện đang sống chung với anh T; chị N tự nguyện để anh T được tiếp tục nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Kiên T luôn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh T cũng không có lời khai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiếp xúc được với các con của chị N và anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 29/10/2025, bà Thạch Thị P là mẹ ruột của anh Kiên T trình bày: Chị N và anh T sống chung có 02 con tên Kiên Thái B, sinh ngày 24/7/2013 và Kiên Thái M, sinh ngày 02/6/2015 hiện tại đang sống chung với bà và anh T. Hiện các cháu được học hành và phát triển tốt, các cháu đều có nguyện sống chung với anh T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn anh T vắng mặt không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Kiên T; về con chung tên Kiên Thái B, sinh ngày 24/7/2013 và Kiên Thái M, sinh ngày 02/6/2015 giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị Thạch Thị N phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất: Không có.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- Nguyên đơn chị N yêu cầu được ly hôn với anh T; tự nguyện để anh T được tiếp tục nuôi 02 con chung sau khi ly hôn; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh T vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị N khởi kiện anh T yêu cầu ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Anh T không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại ấp S, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị N:

[3.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N năm 2012. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị N và anh T đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị N khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau trong cuộc sống hằng ngày; anh T thường xuyên ăn nhậu không quan tâm, chăm lo cho gia đình, có khi còn đánh đập chị. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt, không có biện pháp hàn gắn, không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện và cho anh chị có thêm thời gian để hàn gắn lại, tuy nhiên anh T đều vắng mặt, chị N kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh T chung sống với nhau có 02 con tên Kiên Thái B, sinh ngày 24/7/2013 và Kiên Thái M, sinh ngày 02/6/2015. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị N không trực tiếp nuôi dưỡng 02 con; chị N tự nguyện để anh T được tiếp tục nuôi 02 con. Qua xác minh cháu B và cháu M hiện đang sống chung với anh T và được đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của các con. Tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con..."*. Do đó Hội đồng xét

xử giao quyền trực tiếp nuôi 02 con cho anh T là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện hiện tại của các con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T không có tranh chấp nên không xem xét.

[3.4] Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh T không có tranh chấp nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Kiên T.

2. Về con chung: Anh Kiên T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Kiên Thái B, sinh ngày 24/7/2013 và Kiên Thái M, sinh ngày 02/6/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng, chị N và anh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0003219 ngày 26 tháng 9 năm 2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- PTHADS Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngũ Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quãng Thanh Trung